

Số: 472/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự; Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và 1.3 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm lý số 1420/2025/TLST-DS ngày 01/12/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ trụ sở: **Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đức L** – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ.

(theo Văn bản ủy quyền số 30-2025-UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Người được ủy quyền: Ông **Lương Thế M** – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ pháp lý tố tụng (theo Giấy ủy quyền số 1828/2026/UQ-XLNPLKHCN ngày 01/02/2026)

Địa chỉ nhận thông báo: **Tầng E, Tòa nhà V, G D, phường C, thành phố Hà Nội.**

*. Bị đơn: Bà **Trần Thị H** – sinh năm 1979; Số CCCD 031179000019.

HKTT: **Tổ A phường T, thành phố Hà Nội (nay là tổ A phường V, thành phố Hà Nội).**

Chỗ ở hiện nay: **Số D ngõ E T, tổ A phường V, thành phố Hà Nội.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Ngân hàng TMCP V** và bà **Trần Thị H** xác nhận:

- Tính đến ngày 06/4/2026 bà **Trần Thị H** đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 86.035.867 đồng Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch

vụ **ngân hàng Đ**. Bà **H** còn phải thanh toán tiền lãi là: Lãi quá hạn: 349.245.091 đồng; Lãi phạt chậm trả: 2.986.775 đồng

- Tính đến ngày 06/4/2026 bà **Trần Thị H** đã thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc Theo Giấy đăng ký Hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ1**. Bà **H** còn phải thanh toán tiền lãi: 60.798.516 đồng. Tổng số tiền lãi bà **H** còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 413.030.382 đồng (*Bốn trăm mười ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng*).

* Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 06/6/2026 bà **Trần Thị H** phải thanh toán cho **V1** tổng số tiền nợ lãi là 413.030.382 đồng (*bốn trăm mười ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó: 352.231.866 đồng, Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ **ngân hàng Đ** và 60.798.516 đồng Theo Giấy đăng ký Hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ1**.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí: Bà **Trần Thị H** chịu toàn bộ 10.260.608 đồng (Mười triệu, hai trăm sáu mươi triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.150.000 đồng (*Mười triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017340 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV3-HN;
- PhòngTHA DS KV3-HN;
- TATP Hà nội;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

